

Số: 50 /BC-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai quý I/2022**

Kính gửi: Bộ Nội vụ.

Thực hiện Kế hoạch số 16341/KH-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh về cải cách hành chính năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính quý I/2022 của tỉnh Đồng Nai, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ XII tỉnh Đồng Nai, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 17/5/2021 của Chính phủ, Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030, tỉnh Đồng Nai đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính, cụ thể:

- Ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, triển khai cải cách hành chính: kế hoạch cải cách hành chính (16341/KH-UBND ngày 28/12/2021); kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (số 16342/KH-UBND ngày 28/12/2021); kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính (số 04/KH-UBND ngày 11/01/2022); kế hoạch truyền thông về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính (số 17/KH-UBND ngày 20/01/2022); Kế hoạch rà soát phương án đơn giản hóa thủ tục hành (số 16/KH-UBND ngày 20/01/2022); kế hoạch khảo sát sự hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022 (số 06/KH-UBND ngày 12/01/2022); kế hoạch phát triển chính quyền số (29/KH-UBND ngày 11/02/2022); kế hoạch đối thoại giữa lãnh đạo Sở, ban ngành, UBND cấp huyện với người dân (số 55/KH-UBND ngày 11/3/2022). Trên cơ sở các Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương xây dựng các kế hoạch cụ thể triển khai tại đơn vị, địa phương kịp thời trong quý I/2022.

Trong quý I/2022, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành quyết định công bố kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính các sở, ban ngành, UBND cấp huyện (số 230/QĐ-UBND ngày 20/01/2022), kết quả khảo sát sự hài lòng của

người dân năm 2021 (Báo cáo số 16608/BC-UBND ngày 31/12/2021); theo đó, có: 14/21 đơn vị cấp sở đạt xuất sắc, 06/21 đơn vị tốt, 02/11 địa phương đạt xuất sắc, 09/11 địa phương tốt; tỷ lệ hài lòng trung bình tại cấp sở đạt 95.74%, cấp huyện đạt 94.76%; đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp huyện căn cứ kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính năm, kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân năm 2021 để thực hiện các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện kết quả cải cách hành chính tại đơn vị, địa phương.

- Thực hiện Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 11/01/2022 về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và kỷ luật kỷ cương hành chính, theo đó đặt ra mục tiêu kiểm tra cải cách hành chính ít nhất 60% đơn vị, địa phương; trong quý I/2022 tỉnh đã tổ chức kiểm tra tại 07 UBND xã (Long Thọ, Long Phước, Long An, Long Đức, Bàu Hàm 2, Gia Kiệm, Quang Trung) thuộc 03 huyện, thành phố (Thống Nhất, Nhơn Trạch, Long Thành); kiểm tra công vụ trong giải quyết thủ tục hành chính tại Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện Trảng Bom, Long Thành, thành phố Biên Hòa. Đồng thời, tổ chức thanh tra chuyên ngành nội vụ tại UBND huyện Xuân Lộc; thường xuyên theo dõi, kiểm tra hoạt động giải quyết thủ tục hành chính của các sở ngành, UBND cấp huyện qua phần mềm Một cửa điện tử, hệ thống camera giám sát tập trung để kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh, đảm bảo giải quyết hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp theo quy định.

- Trong quý I/2022, tỉnh đã ban hành và triển khai Kế hoạch thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính, đăng 25 tin bài trên Trang thông tin điện tử về cải cách hành chính của tỉnh, Cổng Hành chính công trên Zalo và hơn 200 tin bài, 12 chương trình phát thanh, truyền hình trên Trang thông tin điện tử các đơn vị, địa phương; nội dung tuyên truyền về các kế hoạch, chương trình nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022 từ Trung ương đến địa phương, thông tin kịp thời đến người dân, doanh nghiệp các quy định mới trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp, bảo hiểm xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh phục hồi kinh tế - xã hội, đẩy mạnh hướng dẫn giải quyết hồ sơ trực tuyến....

Các đơn vị, địa phương tiếp tục duy trì các hình thức thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính như hội nghị tập huấn, tại cấp huyện cũng tiếp tục triển khai tuyên truyền cải cách hành chính dưới nhiều hình thức như qua hệ thống phát thanh, các bản tin trên Cổng thông tin điện tử địa phương, đơn vị video được phát tại Bộ phận Một cửa và một số địa điểm công cộng, qua đó đã góp phần giúp cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp nhận thức rõ hơn ý nghĩa, mục đích, nội dung, định hướng, giải pháp cải cách hành chính của tỉnh để cùng tham gia thực hiện.

- Trong quý I/2022, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Đồng Nai 23 nhiệm vụ, trong đó 23/23 nhiệm vụ đang thực hiện trong thời hạn, chưa có nhiệm vụ quá hạn.

- Trong quý I/2022, tỉnh triển khai các sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước các các ngành, lĩnh vực; cụ thể:

Ứng dụng phần mềm quản lý công tác đào tạo, sát hạch giấy phép lái xe cơ giới đường bộ tại 10 cơ sở đào tạo lái xe ô tô, 11 cơ sở đào tạo lái xe mô tô; qua đó, giúp người dân dễ dàng tra cứu, quản lý các thông tin liên quan đến việc đăng ký học, thi giấy phép lái xe, phản ánh chất lượng các cơ sở đào tạo lái xe; đồng thời, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong tổ chức đào tạo lái xe trên địa bàn tỉnh.

Mở rộng mô hình “ngày không hẹn” thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả trong ngày đối với thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp, thành lập hộ kinh doanh tại Bộ phận Một cửa thành phố Long Khánh định kỳ vào ngày thứ 5 hàng tuần trong tháng.

Đồng thời, tỉnh tiếp tục triển khai các mô hình sáng kiến có hiệu quả trong năm 2021 như: hệ thống họp và tiếp xúc cử tri trực tuyến tại thành phố Long Khánh, liên thông giữa cơ sở dữ liệu đất đai và cơ sở dữ liệu giao dịch đảm bảo, số hóa dữ liệu báo cáo ngành tài nguyên và môi trường...

Như vậy, trong quý I/2022, tỉnh Đồng Nai đã triển khai hoàn thành 7/28 nhóm nhiệm vụ tại kế hoạch đề ra; 21/28 nhiệm vụ được triển khai theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế hành chính

a). Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 15921/KH-UBND ngày 22/12/2021 về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2022; trong quý I/2022, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành 22 văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực nội vụ, dân tộc, thông tin và truyền thông... để thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh vực.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 25/01/2022 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2022, Kế hoạch số 21/KH-

UBND ngày 25/01/2022 về theo dõi thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính nhằm triển khai có hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; các Sở, ngành, UBND cấp huyện ban hành và triển khai kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật thuộc các ngành lĩnh vực quản lý.

c) Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên theo quy định của Chính phủ; trong quý I/2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, kiểm tra 10 Quyết định quy phạm pháp luật do địa phương ban hành; đồng thời ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 công bố Danh mục 49 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ và 10 văn bản hết hiệu lực một phần năm 2021.

d) Kết quả thực hiện tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND về phổ biến giáo dục pháp luật, hoà giải cơ sở; trong quý I/2022, các đơn vị, địa phương tập trung tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, văn bản mới thông qua trong năm 2021 - 2022, các văn bản liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, hỗ trợ khởi nghiệp... hình thức phù hợp với từng đối tượng, địa bàn theo hướng lấy người dân làm trung tâm; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tuyên truyền (Cổng thông tin về phổ biến giáo dục pháp luật: pbgdpl.dongnai.gov.vn, Cổng thông tin Sở Tư pháp trên Zalo...).

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Công bố, công khai thủ tục hành chính

Thực hiện công tác chuẩn hóa thủ tục hành chính của ngành, lĩnh vực tại địa phương sau khi bộ ngành trung ương công bố bộ thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong quý I/2022, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 07 quyết định công bố Bộ thủ tục hành chính; trong đó, đã ban hành mới 10 TTHC cấp tỉnh, sửa đổi, bổ sung 20 TTHC (cấp tỉnh 14, cấp huyện 06), bãi bỏ 19 TTHC cấp tỉnh.

Tổng số thủ tục hành chính sau khi chuẩn hóa là 1.872 thủ tục (cấp tỉnh 1.498, cấp huyện 263, cấp xã 111)¹, ban hành 01 quyết định công bố TTHC ngành Công an gồm 54 TTHC (cấp tỉnh 44, cấp huyện 10); Tổng số thủ tục hành chính ngành dọc sau khi chuẩn hóa là 123 thủ tục (cấp tỉnh 62, cấp huyện 53, cấp xã 08; quy trình nội bộ điện tử đối với việc giải quyết từng thủ tục hành chính, được ban hành, cấu hình lên phần mềm một cửa điện tử (Egov) đảm bảo công tác quản lý chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được chặt chẽ, kịp thời; 100% TTHC sau khi được công bố được cập nhật kịp thời lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, đồng bộ về Cổng dịch vụ công của tỉnh; niêm yết tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

b) Đơn giản hoá thủ tục hành chính

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính năm 2022 (số 16/KH-UBND ngày 20/01/2022), đặt mục tiêu rà soát, kiến nghị đơn giản hóa tối thiểu 10% tổng số TTHC. Đồng thời, tiếp tục triển khai thực hiện Văn bản số 6852/VPCP-KSTT ngày 24/9/2021 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn rà soát, đánh giá và đề xuất phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính; các Sở, ngành, UBND cấp huyện triển khai rà soát, đề xuất phương án phân cấp thủ tục hành chính, đặt mục tiêu đạt tối thiểu 20% số TTHC các cấp.

c) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Thực hiện Kế hoạch số 5755/KH-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 468/QĐ-TTg về đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ:

- Đối với Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã: hoàn thiện quy chế tổ chức hoạt động, phân công trách nhiệm quản lý, theo dõi hoạt động của Bộ phận một cửa, nâng cấp cơ sở vật chất, bố trí hợp lý số lượng công chức tiếp nhận TTHC đáp ứng nhu cầu người dân, bố trí quầy tiếp nhận thủ tục ngành dọc (công an, bảo hiểm xã hội, quân sự), kho bạc hoặc điểm thu hộ ngân sách của ngân hàng thương mại thu hộ ngân sách tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và 11/11 huyện; bố trí quầy Bưu điện tiếp nhận hồ

¹ Thuộc các ngành Ngoại vụ, Công Thương, Giáo dục và đào tạo, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Khoa học công nghệ, Xây dựng, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài Nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN; Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc, Ban Quản lý khu Công nghệ cao công nghệ sinh học

sơ cấp đổi giấy phép lái xe, lý lịch tư pháp, chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm... tại 11/11 Bộ phận Một cửa cấp huyện; bố trí quầy và nhân sự hỗ trợ việc nộp hồ sơ thủ tục trực tuyến cho người dân.

- *Triển khai tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính*: trong quý I/2022, tỉnh tiếp nhận 7.552 hồ sơ lĩnh vực đất đai không phụ thuộc vào địa giới hành chính, đã giải quyết 7.149 hồ sơ; tỷ lệ đúng hạn đạt 93.9%.

- *Kết quả giải quyết TTHC trong quý I/2022*:

+ Cấp Sở đã tiếp nhận 41.604 hồ sơ, đã giải quyết 34.528 hồ sơ, đúng hạn 34.268 hồ sơ, đạt tỷ lệ **99,25%**;

+ Cấp huyện tiếp nhận 158.492 hồ sơ, đã giải quyết 128.122 hồ sơ, đúng hạn 123.836 hồ sơ, đạt tỷ lệ **96,65%**;

+ Cấp xã tiếp nhận 294.716 hồ sơ, đã giải quyết 282.928 hồ sơ, đúng hạn 276.315 hồ sơ, đạt tỷ lệ **97,66%**.

Tiến độ giải quyết thủ tục hành chính của 20/20 sở ngành, 11/11 UBND cấp huyện, 170/170 UBND cấp xã được công khai tới người dân, tổ chức trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Nhằm đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, trong quý I/2022, tỉnh đã khảo sát mức độ hài lòng của 4.545 người dân qua hệ thống máy tính bảng tại Trung tâm Hành chính công (trong đó 3.308 phiếu đánh giá quá trình tiếp nhận và 1.237 phiếu đánh giá quá trình trả kết quả); kết quả có 3.304 phiếu hài lòng về quá trình tiếp nhận, đạt 99,88%; 1.236 phiếu hài lòng về quá trình trả kết quả, đạt 99,92%.

- Thực hiện Nghị quyết số 121/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 phê duyệt số lượng, định mức hỗ trợ người làm việc tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và Bộ phận một cửa các cấp, trong đó định suất và định mức hỗ trợ tương ứng với khối lượng hồ sơ tiếp nhận của mỗi đơn vị, địa phương.

d) Triển khai chứng thực bản sao điện tử từ bản gốc

Triển khai Kế hoạch số 15623/KH-UBND ngày 22/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia; đến quý I/2022, công chức tư pháp của 11/11 UBND cấp huyện, 170/170 UBND cấp xã đã được cấp tài khoản, tập huấn để thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong năm 2022, tỉnh đặt mục tiêu tối thiểu đạt 50% đơn vị cấp xã cung cấp dịch vụ công chứng

thực điện tử và khai thác hiệu quả bản sao chứng thực điện tử nhằm tạo thuận lợi cho người dân.

e) Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính

UBND tỉnh tiếp tục triển khai Kế hoạch số 14452/ KH-UBND ngày 26/11/2020 về thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2020 - 2025. Trong quý I/2022, các Sở, ngành, UBND cấp huyện triển khai tập huấn nghiệp vụ số hóa hồ sơ thủ tục hành chính, rà soát chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng việc thực hiện số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa đồng bộ từ ngày 01/6/2022.

g) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

- Trong quý I/2022, tỉnh đã tiếp nhận 209 trường hợp phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp gửi đến UBND tỉnh Đồng Nai trên Cổng dịch vụ công quốc gia, kết quả đã xử lý và công khai 167 phản ánh kiến nghị (đạt 79%) trên Cổng dịch vụ công quốc gia; 42 trường hợp đang xử lý trong thời hạn quy định.

- Tổng đài Dịch vụ công 1022 tiếp nhận 15.361 yêu cầu hỗ trợ thông tin, đăng ký dịch vụ bưu chính công ích, gửi phản ánh, kiến nghị và đã xử lý 15.264 lượt, đạt trên 99,37%; trong đó đã xử lý phản ánh giải quyết hồ sơ chậm trễ, trách nhiệm của công chức đơn vị, địa phương 188/258 lượt đạt hơn 73; các phản ánh, kiến nghị sau khi giải quyết được công khai (500 thông tin/tháng) trên Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân trên Cổng thông tin về phản ánh kiến nghị của tỉnh (<http://1022.dongnai.gov.vn>).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương; trong quý I/2022, tỉnh Đồng Nai đã thực hiện sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của 21/21 cơ quan thuộc UBND tỉnh, 11/11 đơn vị hành chính cấp huyện; phê duyệt đề án sắp xếp 08/9 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; qua đó giảm được 01 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, 39 đơn vị sự nghiệp thuộc sở ngành (với 103 đầu mối phòng trực thuộc), giảm 03 đơn vị sự nghiệp thuộc chi cục sở, ngành; giảm 81 nhân sự lãnh đạo đơn vị sự nghiệp, 159 chức danh Trưởng, Phó Trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp.

Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện, UBND tỉnh phê duyệt Đề án thành lập, kiện toàn lại các đơn vị: Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Trung tâm Dịch vụ công ích, Ban Quản lý dự án, Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên; theo đó, đã giảm được 41 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện.

Đồng thời, UBND các huyện, thành phố tiếp tục rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại địa phương; tính đến nay giảm được 09 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại cấp huyện.

Trong quý I/2022, 100% các cơ quan, tổ chức hành chính tên địa bàn tỉnh đã thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy đáp ứng quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 quy định về tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; đồng thời, căn cứ các văn bản hướng dẫn cụ thể của các Bộ ngành chủ quản, các Sở, ban ngành ban hành quy chế mới về tổ chức hoạt động đảm bảo cơ cấu phòng ban, số lượng cấp phó, chức năng nhiệm vụ theo quy định.

c) Công tác quản lý sử dụng biên chế

- Về biên chế công chức: Năm 2022, biên chế công chức của tỉnh Đồng Nai là 3.041 chỉ tiêu²; như vậy, số biên chế công chức tỉnh đã tinh giản 389 chỉ tiêu (so với 3.422 chỉ tiêu biên chế công chức giao năm 2015) đạt tỷ lệ 11,37% vượt tỷ lệ tối thiểu 10% theo quy định của Trung ương.

- Về số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2022 của tỉnh Đồng Nai được Bộ Nội vụ thống nhất³ là 36.932 chỉ tiêu; tuy nhiên, do tình hình thực tế của địa phương, HĐND tỉnh phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 38.113 chỉ tiêu. Thực hiện Quyết định số 3764/QĐ-UBND và Nghị quyết số 19-NQ/TW đến nay tỉnh đã cắt giảm được

²Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022.

³Theo Văn bản số 5989/BNV-TCBC ngày 26/11/2021

4.865 biên chế viên chức so với số phải giảm (4.151 biên chế), như vậy tỉnh đã hoàn thành lộ trình giảm 10%.

d) Việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ với UBND tỉnh, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; UBND tỉnh ban hành và triển khai Kế hoạch số 8843/KH-UBND ngày 23/9/2016 triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 và Kế hoạch số 482/KH-UBND ngày 13/01/2021 triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020; trên cơ sở đó 21/21 sở, ban ngành; 11/11 UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện tại địa phương, đơn vị.

Việc phân cấp quản lý nhà nước cho chính quyền cấp tỉnh thực hiện trên tất cả 05 lĩnh vực theo Nghị quyết số 21/NQ-CP và 10 ngành lĩnh vực theo Nghị quyết số 99/NQ-CP đã được các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện góp phần tăng tính chủ động của địa phương trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở, từ đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; gắn phân cấp với việc rà soát các thủ tục hành chính làm giảm đầu mối, giảm bớt các thủ tục không cần thiết, điển hình là lĩnh vực: Thẩm định dự án, đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận đầu tư, cấp phép xây dựng, quy hoạch xây dựng, hộ tịch, chứng thực... góp phần thu hút được nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước và đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức, xây dựng và thực hiện đề án xác định vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

Triển khai Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương rà soát tham mưu điều chỉnh bảng mô tả khung năng lực và vị trí việc làm theo quy định; trong quý I/2022, UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt mới 01 đề án vị trí việc làm của cơ quan hành chính, 02 đơn vị sự nghiệp công lập⁴; lũy kế đến nay 20

⁴ Ban Quản lý Khu công nghệ cao, công nghệ sinh học; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện,

cơ quan chuyên môn, 37 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh đã được phê duyệt đề án vị trí việc làm; đồng thời, không có đơn vị, địa phương có vi phạm trong thực hiện quy định về vị trí việc làm.

b) Thực hiện tuyển dụng công chức viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức

Trong quý I/2022, tỉnh tiếp tục triển khai quy trình tuyển dụng công chức theo Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 về tuyển dụng công chức năm 2022: tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển công chức năm 2021; thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính, Ban Giám sát kỳ thi, Tổ thư ký giúp việc của Hội đồng tuyển dụng, Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự thi; phát hành Thông báo gửi các thí sinh không đủ điều kiện dự thi... trình tự thủ tục tuyển dụng công chức được thực hiện đảm bảo đúng quy định.

c) Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

Triển khai Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 quy định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

d) Tình hình chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính

Trong quý I/2022, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính; trong đó, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong nêu gương, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính, giờ giấc làm việc và tăng cường công tác kiểm tra, gắn tiêu chí phát hiện, xử lý vi phạm với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Tỉnh đã tổ chức 05 đợt kiểm tra kỷ luật kỷ cương hành chính tại 16 xã, 02 huyện, thành phố; thường xuyên kiểm tra việc chấp hành kỷ cương hành chính của đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa thông qua hệ thống camera giám sát tập trung của tỉnh từ Bộ phận một cửa cấp xã, cấp huyện lên Trung tâm Hành chính công tỉnh. Qua kiểm tra ghi nhận một số trường hợp cán bộ, công chức không chấp hành nghiêm túc giờ giấc, tác phong trong thi hành công vụ; trên cơ sở đó, thủ trưởng các đơn vị, địa phương đã chỉ đạo công chức, viên

chức nghiêm túc chân chính, chấp hành nghiêm các quy định trong thực thi công vụ.

e) Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được xác định nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Tỉnh ủy; UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022 (số 5380/QĐ-UBND ngày 31/12/2022) theo đó đưa ra các mục tiêu, nội dung khóa - lớp học, đối tượng, giải pháp đảm bảo 100% cán bộ, công chức đáp ứng tiêu chuẩn ngạch, điều kiện tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý, cán bộ, công chức cấp sở, cấp huyện thường xuyên được cập nhật kiến thức pháp luật, bồi dưỡng về kỹ năng thực thi công vụ, đạo đức công vụ. Trong quý I/2022, hơn 450 công chức, viên chức đã tham dự các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn theo vị trí việc làm.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước: tổng thu đạt khoảng 17.733 tỷ đồng, đạt 32% so với dự toán; trong đó ước thu nội địa là 12.125 tỷ đồng, đạt 31% so với dự toán, thu lĩnh vực xuất nhập khẩu 5.608 tỷ đồng, đạt 34% so với dự toán.

- Kết quả giải ngân đối với nguồn vốn từ ngân sách Trung ương để đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đạt 7.3% (kế hoạch năm giao 1.037.912 triệu đồng, đã giải ngân 75.962 triệu đồng); đối với nguồn vốn từ ngân sách địa phương đạt 6% (kế hoạch năm giao 9.493.220; đã giải ngân 573.894 triệu đồng).

- Thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định và Thông tư quy định định mức tiêu dùng, hao mòn tài sản công, UBND tỉnh Đồng Nai đã cụ thể hoá thành các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trên địa bàn tỉnh; đồng thời 100% cơ quan, đơn vị đã ban hành quy chế quản lý tài sản công theo quy định.

- Các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 9777/KH-UBND ngày 16/08/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập; trong quý I/2022, toàn tỉnh có 01 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, 55 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, 211 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

6. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Hoàn thiện thể chế phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Trong quý I/2022, tỉnh Đồng Nai tiếp tục triển khai Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025; UBND tỉnh đã ban hành Kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh tỉnh Đồng Nai, phiên bản 1.0 tại Quyết định số 5209/QĐ-UBND ngày 27/12/2021, Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 11/02/2022 về Phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022; đến nay, 16/32 cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh xây dựng Kế hoạch Phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

b) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật.

- Trong quý I/2022, tỉnh Đồng Nai triển khai Kế hoạch nâng cao năng lực phục vụ cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh giai đoạn 2019-2021, trong đó tập trung vào các nhóm nhiệm vụ: Giám sát an ninh thông tin, quản lý đơn đốc giám sát việc vận hành, quản trị hạ tầng các hệ thống thông tin dùng chung được đặt tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh, thiện các biện pháp phòng, chống kịp thời các nguy cơ tấn công mạng, đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung hoạt động ổn định, liên tục, phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng của sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Đến nay, 100% cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện đã có kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng với 91 điểm kết nối; 170/170 UBND các xã, phường thị trấn được kết nối Internet phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tiếp tục đảm bảo vận hành hệ thống camera tập trung của tỉnh, khắc phục kịp thời các sự cố hư hỏng, mất kết nối từ các hệ thống camera giám sát bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp đến hệ thống camera tập trung của tỉnh.

c) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng.

- Hoàn thành kết nối qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh các hệ thống: quản lý văn bản của tỉnh với hệ thống quản lý văn bản của Văn phòng Chính phủ; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai với Cổng Dịch vụ công Quốc gia; kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Hoàn thành xây dựng các chức năng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu theo hướng dẫn tại Văn bản số 7798/VPCP-KSTT ngày 18/9/2020 của Văn

phòng Chính phủ và đồng bộ dữ liệu 16 tiêu chí báo cáo về Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm Thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ.

- Trong quý I/2022, tỉnh đã triển khai rà soát chuẩn bị cho việc kết nối, tích hợp, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với phần mềm Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh, đồng thời tỉnh đã chỉ đạo rà soát nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Hoàn thiện thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông 100% cơ quan hành chính 03 cấp tỉnh - huyện - xã, tỷ lệ văn bản gửi nhận hoàn toàn điện tử theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP qua Trục liên thông đạt 99,8% (trừ các văn bản mật); 100% cán bộ, công chức các đơn vị, địa phương (gồm lãnh đạo, quản lý) sử dụng phần mềm quản lý văn bản, điều hành, theo dõi tiến độ, xác định cụ thể trách nhiệm từng cá nhân xử lý công việc; 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (trừ các hồ sơ mật);

- Cung cấp chữ ký số: Phối hợp với Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin thực hiện cấp phát 61 bộ chứng thư số (28 bộ chứng thư số cá nhân, 30 SIM PKI, 03 bộ chứng thư số tổ chức), đạt tỷ lệ 100% trên tổng số công chức viên chức lãnh đạo.

- Trong quý I/2022, các đơn vị, địa phương tiếp tục hoàn thiện phần mềm một cửa điện tử eGov, Cổng dịch vụ công của tỉnh đáp ứng các quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP; cấu hình các quy trình nội bộ điện tử của các thủ tục hành chính mới được ban hành; đồng thời rà soát các quy trình điện tử trên phần mềm một cửa Egov chuẩn bị thực hiện số hoá thủ tục hành chính theo quy định Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Triển khai Hệ thống họp trực tuyến liên thông cấp tỉnh - cấp huyện, vận hành hệ thống camera giám sát tại Bộ phận một cửa 170 xã, phường, thị trấn, 11 huyện và Trung tâm Hành chính công tỉnh.

e) Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh.

Tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành việc triển khai thí điểm 02 Trung tâm giám sát điều hành thông minh thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh theo các tiêu chí hướng dẫn của Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông;

đồng thời, UBND tỉnh đã tiến hành đánh kết quả thí điểm 02 Trung tâm làm cơ sở để tiếp tục triển khai mô hình đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

g) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4

Trong quý I/2022, tỉnh Đồng Nai đã 1.229 dịch vụ công mức độ 3 và 4 (gồm 295 mức độ 3 và 934 mức độ 4); tích hợp 954 dịch vụ công lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (339 mức độ 3, 615 mức độ 4), đạt tỷ lệ 77%; tích hợp Cổng thanh toán trực tuyến đối với 276 thủ tục trực tuyến mức 3,4 có phát sinh phí, lệ phí.

Các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh; kết quả có 8/21 đơn vị cấp sở đạt tỷ lệ trên 80% hồ sơ trực tuyến mức độ 4, 1/11 huyện (Nhơn Trạch) đạt tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên 10%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt làm được

Nhìn chung, trong quý I/2022, công tác cải cách hành chính của tỉnh có những chuyển biến tích cực, kết quả cơ bản theo tiến độ đề ra; trong đó:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính của các địa phương được quan tâm, thực hiện kịp thời, một số đơn vị đã chủ động chỉ đạo rà soát báo cáo các vướng mắc, chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế qua công tác đánh giá chỉ số cải cách hành chính và kiểm tra cải cách hành chính, công vụ.

- Công tác kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ được tăng cường thực hiện từ đầu năm, kịp thời chấn chỉnh những sai sót nhằm triển khai hiệu quả công tác cải cách hành chính tại các đơn vị, địa phương

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện chặt chẽ theo quy định; tổ chức hoạt động Trung tâm Hành chính công và Bộ phận một cửa các cấp được kiện toàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới;

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện toàn diện, đồng bộ; tập trung hoàn thiện các hệ thống công nghệ thông tin, tập trung vào công tác quản lý hồ sơ thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

2. Những tồn tại, hạn chế

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên công tác cải cách hành chính của tỉnh vẫn còn một số tồn tại sau:

- Công tác giải quyết thủ tục hành chính tại một số đơn vị, địa phương còn tình trạng trễ hạn, người dân phải đi lại bổ sung hồ sơ; việc triển khai dịch vụ công trực tuyến tại UBND cấp huyện, cấp xã chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra;

- Đối với các phương án sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện: Chính phủ đã ban hành các Nghị định liên quan về cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, tuy nhiên chưa có Thông tư hướng dẫn của cụ thể để triển khai thực hiện nên địa phương còn một số vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Việc thực hiện xã hội hóa các đơn vị còn chậm do việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công lập của một số lĩnh vực chưa được hướng dẫn cụ thể; công tác cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm do chưa có Văn bản hướng dẫn cụ thể của Trung ương.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II/2022

Trong quý II/2022, công tác cải cách hành chính của tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện theo định hướng cải cách hành chính năm 2022, trong đó tập trung triển khai các giải pháp cải cách hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư cho doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính ở chính quyền cơ sở:

1. Các cấp, các ngành tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, địa phương trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh, Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; tăng cường chỉ đạo, rà soát giải quyết các khó khăn vướng mắc của các đơn vị về công tác cải cách hành chính, phát động đăng ký sáng kiến cải cách hành chính.

2. Tiếp tục triển khai các quy định về tổ chức bộ máy theo quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và quy định của UBND tỉnh; tổ kỳ thi tuyển công chức để bổ sung nhân sự kịp thời cho các đơn vị, địa phương; triển khai các lớp đào tạo bồi dưỡng theo Kế hoạch; xây dựng và thực hiện Kế hoạch tập huấn nghiệp vụ cải cách thủ tục hành chính kịp thời theo kế hoạch.

3. Tập trung triển khai Kế hoạch số 5755/KH-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định 107/2021/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; trong đó tập trung rà soát, hoàn thiện các quy định, cơ sở hạ tầng thực hiện công tác số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa cấp huyện, mở rộng việc thực hiện thu phí, lệ phí tập trung, thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết thủ tục hành chính.

4. Tăng cường trách nhiệm của đơn vị, địa phương trong giải quyết phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp qua Tổng đài Dịch vụ công 1022, Cổng dịch vụ công của tỉnh kịp thời tiếp thu ý kiến đóng góp, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp để cải thiện dịch vụ hành chính công; công khai kết quả giải quyết phản ánh kiến nghị cho người dân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

5. Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống một cửa điện tử Egov, Cổng dịch vụ công của tỉnh liên thông 03 cấp; cập nhật kịp thời quy trình nội bộ điện tử các thủ tục hành chính được ban hành, các dịch vụ công trực tuyến được phê duyệt; thường xuyên kiểm tra, xử lý kịp thời các bất cập trong hệ thống một cửa điện tử, đảm bảo việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được thông suốt; đồng bộ dữ liệu và tích hợp các dịch vụ công trực tuyến với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Triển khai mở rộng Hệ thống thông tin báo cáo của các sở ngành, kết nối liên thông với Hệ thống báo cáo của tỉnh và Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia;

- Tiếp tục cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành hiện có, mở rộng cơ sở dữ liệu các ngành cần thiết, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

6. Tập trung đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, đối thoại giữa lãnh đạo Sở, ngành, UBND cấp huyện và người dân, doanh nghiệp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, thông tin kịp thời các quy định trong giải quyết thủ tục hành chính; nhất là việc giải quyết thủ tục trực tuyến.

7. Tổ chức khảo sát ý kiến người dân về chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm đánh giá khách quan hiệu quả cải cách hành chính, nhất là công tác giải quyết thủ tục hành chính và kịp thời đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ hành chính công.

8. Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, cải cách hành chính, thanh tra chuyên ngành nội vụ tại các sở, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã; chú trọng thanh tra, kiểm tra trong nội bộ cơ quan, đơn vị để kịp thời đôn đốc, nhắc nhở các bộ phận, công chức, viên chức thực hiện kịp thời các nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính quý I và phương hướng nhiệm vụ quý II/2022 của tỉnh Đồng Nai./

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Văn phòng Chính phủ (Cục kiểm soát TTHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cục thuế; Cục Hải quan, Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Kho bạc NN tỉnh;
- UBND các huyện và thành phố;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	21	Các Sở ngành, UBND cấp huyện ban hành hơn 150 văn bản chỉ đạo triển khai
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	25	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	28	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	7	Các nhiệm vụ được triển khai theo tiến độ
3.	Kiểm tra CCHC theo đoàn kiểm tra của tỉnh			
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	4	Kiểm tra 7 UBND cấp xã, 6/11 huyện tự kiểm tra CCHC, công vụ
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	7	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	7	
4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			
4.1	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	1	
4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	23	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	3.979	
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	Trực tiếp tại TTHCC qua Ipad và trực tuyến qua Cổng DVC của tỉnh
7	Tổ chức đối thoại với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	Thực hiện chương trình định kỳ từ tháng 4/2022

Biểu mẫu 2
Kết quả Cải cách thể chế của tỉnh

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL⁵ do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	22	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	10	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	4	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	10	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	<i>10</i>	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	<i>10</i>	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	60	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	<i>60</i>	
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	<i>60</i>	

⁵ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	Thời gian tổng hợp trình phương án ĐGH là tháng 09/2022
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	10	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	19	Sửa đổi bổ sung: 20 TTHC
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.995	Có 123 TTHC ngành dọc
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.560	62 TTHC ngành dọc
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	316	53 TTHC ngành dọc
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	119	08 TTHC ngành dọc
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	53	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	31	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	09	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,25	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	34.528	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	34.268	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	96,32	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	158.492	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	128.122	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,66	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	294.716	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	276.315	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	79,5	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	209	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	167	42 PAKN đang giải quyết trong hạn

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	Hành chính: Ban QL các khu công nghiệp, Ban QL Khu công nghệ cao CNSH; Sự nghiệp: Ban QL Đầu tư xây dựng tỉnh
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	208	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	890	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	8	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	143	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	739	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	9.37	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	3041	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	3041	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các	Người	225	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	cơ quan, tổ chức hành chính			
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11,37	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	36.392	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	36.392	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1.721	So với số người làm việc có mặt năm 2021 (38.113)
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	20	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	37	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	5	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	44	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	2	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	3	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	9	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	6	
	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	9.493.220	
	Đã thực hiện	Triệu đồng	573.894	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	890	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	1	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	55	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	211	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	612	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	99,8	
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban,	%	99,8	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	ngành cấp tỉnh			
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	295	
6.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	295	
6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	99	
6.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	934	
6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	934	
6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	285	
6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	77,62	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.229	
6.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	954	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	4,7	
6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	467.380	
6.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	22.147	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	51,9	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	531	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	276	